



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2018: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0239.3859708
- Fax: (84) 0239.3892839
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 83 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 10 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Quốc Hồng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 12/06/2017 |
| • Ông Đồng Văn Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11/06/2017 |
| • Ông Lê Anh Quân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014 |
| • Bà Đào Thị Thủy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/05/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|---------------------|------------------------------|
| • Bà Trần Thị Thu Hà | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Bà Hồ Thị Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/02/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 890/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 30/07/2018 của Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.647.345.156	13.411.761.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.048.919.418	2.693.134.929
1. Tiền	111		1.048.919.418	1.693.134.929
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.305.000.000	6.585.953.875
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.305.000.000	6.585.953.875
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.123.202.874	1.435.817.056
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	5.199.506.474	1.857.466.756
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		431.517.256	20.675.099
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.031.605.870	1.117.600.870
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	275.845.571	367.551.009
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.815.272.297)	(1.927.476.678)
IV. Hàng tồn kho	140	11	13.035.543.472	2.686.856.006
1. Hàng tồn kho	141		13.129.012.743	2.811.414.941
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(93.469.271)	(124.558.935)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134.679.392	10.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	79.367.700	10.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.311.692	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.871.582.172	15.543.318.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.311.280	50.622.563
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	25.311.280	50.622.563
II. Tài sản cố định	220		13.998.808.420	14.492.442.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	13.283.604.420	13.777.238.330
- Nguyên giá	222		21.281.445.052	21.278.263.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.997.840.632)	(7.501.024.904)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	715.204.000	715.204.000
- Nguyên giá	228		747.204.000	747.204.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		847.462.472	1.000.253.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	847.462.472	1.000.253.495
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		36.518.927.328	28.955.080.254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.121.496.726	3.691.816.328
I. Nợ ngắn hạn	310		12.121.496.726	3.691.816.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.651.140.435	1.221.042.701
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.673.241	9.732.742
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	175.482.842	137.923.436
4. Phải trả người lao động	314		700.399.773	661.659.410
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		16.366.389	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	8.181.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	449.676.942	504.053.815
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.010.000.000	1.070.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.757.104	79.222.406
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.397.430.602	25.263.263.926
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.397.430.602	25.263.263.926
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.310.580.000	22.310.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	637.870.381	637.870.381
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	722.538.246	692.003.547
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	726.441.975	1.622.809.998
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		726.441.975	1.622.809.998
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		36.518.927.328	28.955.080.254



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	15.336.721.335	11.804.782.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	3.803.540	15.681.781
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		15.332.917.795	11.789.101.025
4. Giá vốn hàng bán	11	23	13.079.460.922	9.607.602.521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.253.456.873	2.181.498.504
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	213.083.085	143.043.560
7. Chi phí tài chính	22	25	18.322.553	669.933
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	18.322.553	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	890.369.944	650.686.988
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	756.479.090	624.398.289
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		801.368.371	1.048.786.854
11. Thu nhập khác	31	27	39.909.957	60.684.176
12. Chi phí khác	32	28	5.640.336	319.637.590
13. Lợi nhuận khác	40		34.269.621	(258.953.414)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		835.637.992	789.833.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	109.196.017	21.366.761
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		726.441.975	768.466.679
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	326	344
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	326	344

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		835.637.992	789.833.440
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13,14	526.866.233	621.676.769
- Các khoản dự phòng	03		(143.294.045)	(16.687.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24,28	(211.315.408)	172.565.390
- Chi phí lãi vay	06		18.322.553	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		1.026.217.325	1.567.388.041
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.776.925.709)	(2.427.554.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11	(10.317.597.802)	(5.485.866.654)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.408.583.293	2.731.677.001
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	83.423.323	25.068.423
- Tiền lãi vay đã trả	14	17	(1.956.164)	(26.975.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(80.000.000)	(79.310.911)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.000.000)	(301.710.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.653.255.734)	(3.997.284.199)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(35.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.555.000.000)	4.504.941.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		13.921.948.875	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,24	298.831.948	225.290.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.630.780.823	4.730.231.532
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		10.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(70.000.000)	(20.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(1.561.740.600)	(1.338.634.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.621.740.600)	(1.358.634.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.644.215.511)	(625.687.467)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.693.134.929	2.952.515.508
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.048.919.418	2.326.828.041



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số
200/2014/TT - BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06/10/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 28.03.000151 ngày 12/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/12/2015 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh thương mại các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục, giáo dục mầm non.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 (bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 30/06/2018).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng năm được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Đối với hoạt động bán sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
 - ✓ Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
 - ✓ Đối với hoạt động mầm non: thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ Dự án Trường mầm non Hoa Sen được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	564.586.809	312.229.731
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	484.332.609	1.380.905.198
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	1.000.000.000
Cộng	1.048.919.418	2.693.134.929

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng - Ngân hàng Seabank	2.305.000.000	6.585.953.875
Cộng	2.305.000.000	6.585.953.875

Tại ngày 30/06/2018, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty gồm có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Seabank. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	551.044.763
Công ty Cổ phần Phát hành sách Hà Tĩnh	877.548.275	-
Các đối tượng khác	3.770.913.436	1.306.421.993
Cộng	5.199.506.474	1.857.466.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (gốc + lãi) (*)	1.031.605.870	1.117.600.870
Cộng	1.031.605.870	1.117.600.870

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010 theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Hiện nay, số cán bộ công nhân viên này đã nghỉ việc và Công ty không thu hồi được nợ gốc cũng như lãi đối với các khoản cho vay này. Do đó, toàn bộ khoản nợ phải thu này đã được trích lập dự phòng.

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi vay dự thu	34.800.164	-	120.549.027	-
Tạm ứng	103.778.000	-	140.257.000	-
Phải thu khác	137.267.407	(15.486.694)	106.744.982	(22.646.285)
Cộng	275.845.571	(15.486.694)	367.551.009	(22.646.285)

b. Dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi nhánh Công ty TNHH Sakov tại Vinh	25.311.280	-	50.622.563	-
Cộng	25.311.280	-	50.622.563	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.815.272.297	1.924.292.678
- Trên 3 năm	1.806.724.271	1.916.780.160
- Trên 2 năm đến dưới 3 năm	7.518.726	7.512.518
- Trên 1 năm đến dưới 2 năm	1.029.300	3.184.000
Cộng	1.815.272.297	1.927.476.678

b. Nợ xấu

	30/06/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	771.402.043	3.222.310	
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	44.366.008	-	Trên 3 năm
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	175.991.272	3.222.310	Từ 1 - 3 năm
Phải thu về cho vay	1.031.605.870	-	
- Phải thu cá nhân	1.031.605.870	-	Trên 3 năm
vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)			
Phải thu khác	15.486.694	-	
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	9.000.078	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	6.486.616	-	Trên 3 năm
Cộng	1.818.494.607	3.222.310	

	01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	793.642.042	6.412.519	
- Anh Sơn - Kỳ Trinh - Kỳ Anh	49.366.008	-	Trên 3 năm
- Tâm Thông - Kỳ Anh	551.044.763	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	193.231.271	6.412.519	Từ 1 - 3 năm
Phải thu về cho vay	1.117.600.870	-	
- Phải thu cá nhân	1.117.600.870	-	Trên 3 năm
vay mua cổ phiếu (gốc + lãi)			
Phải thu khác	22.646.285	-	
- Công ty TNHH Công nghiệp HBE	9.000.078	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	13.646.207	-	Trên 3 năm
Cộng	1.933.889.197	6.412.519	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.293.612	-	30.048.723	-
Hàng hóa	13.113.719.131	(93.469.271)	2.781.366.218	(124.558.935)
Cộng	13.129.012.743	(93.469.271)	2.811.414.941	(124.558.935)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2018 là 93.469.271 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch bán giảm giá và thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2018.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí bảo trì phần mềm	5.000.000	10.000.000
Tiền thuê đất	74.367.700	-
Cộng	79.367.700	10.000.000

b. Dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	490.462.772	439.546.552
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*)	170.938.784	173.149.200
Chi phí sửa chữa nhà kho, nhà sách, mầm non	186.060.916	387.557.743
Cộng	847.462.472	1.000.253.495

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m² đất tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Hiện nay, quyền sử dụng đất này đang được sử dụng làm nhà kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	19.128.905.607	2.082.539.445	66.818.182	21.278.263.234
Mua sắm trong kỳ	-	-	35.000.000	35.000.000
Thanh lý trong kỳ	-	-	31.818.182	31.818.182
Số cuối kỳ	19.128.905.607	2.082.539.445	70.000.000	21.281.445.052
Khấu hao				
Số đầu kỳ	5.651.392.796	1.794.250.796	55.381.312	7.501.024.904
Khấu hao trong kỳ	430.039.660	88.907.382	7.919.191	526.866.233
Thanh lý trong kỳ	-	-	30.050.505	30.050.505
Số cuối kỳ	6.081.432.456	1.883.158.178	33.249.998	7.997.840.632
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	13.477.512.811	288.288.649	11.436.870	13.777.238.330
Số cuối kỳ	13.047.473.151	199.381.267	36.750.002	13.283.604.420

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2018.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 1.528.662.837 đồng.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	715.204.000	32.000.000	747.204.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	715.204.000	-	715.204.000
Số cuối kỳ	715.204.000	-	715.204.000

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m² tại 58 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2018.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 32.000.000 đồng.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	5.061.468.000	23.696.960
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.352.497.234	-
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	646.666.690	21.081.190
Công ty CP Thương mại Tổng hợp Tâm Việt	227.352.415	143.039.760
Các đối tượng khác	2.363.156.096	1.033.224.791
Cộng	9.651.140.435	1.221.042.701

Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	646.666.690	13.687.890
Công ty Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	5.061.468.000	23.696.960
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	1.352.497.234	-
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	459.200.653	39.505.649
Cộng		7.519.832.577	76.890.499

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải trả đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	31.768.989	45.452.593	77.221.582	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.403.187	109.196.017	80.000.000	103.599.204
Thuế thu nhập cá nhân	31.751.260	24.384.558	56.135.818	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	148.735.400	76.851.762	71.883.638
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	137.923.436	331.768.568	294.209.162	175.482.842

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản thừa chờ giải quyết	12.250.100	592.670
Kinh phí công đoàn	62.481.744	60.088.209
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	205.000.000	205.000.000
Phải trả khác	169.945.098	238.372.936
Cộng	449.676.942	504.053.815

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn (cá nhân) (*)	520.000.000	10.000.000	70.000.000	460.000.000
Sở Tài chính (**)	550.000.000	-	-	550.000.000
Cộng	1.070.000.000	10.000.000	70.000.000	1.010.000.000

(*) Là các khoản vay cán bộ công nhân viên theo các thỏa thuận hỗ trợ vốn; Theo đó, đến khi nào Công ty làm thủ tục tăng vốn thì số tiền này sẽ chuyển thành tiền mua cổ phần hoặc sẽ có thỏa thuận khác, nếu cá nhân nghỉ việc, chuyển việc thì Công ty sẽ hoàn trả lại tiền; Lãi suất: Bằng với tỷ lệ cổ tức Công ty chi trả cho các cổ đông hằng năm.

(**) Phải trả Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	22.310.580.000	637.870.381	557.379.520	1.807.917.526	25.313.747.427
Tăng trong kỳ	-	-	134.624.027	1.622.809.998	1.757.434.025
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.807.917.526	1.807.917.526
Số dư tại 31/12/2017	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>692.003.547</u>	<u>1.622.809.998</u>	<u>25.263.263.926</u>
Số dư tại 01/01/2018	22.310.580.000	637.870.381	692.003.547	1.622.809.998	25.263.263.926
Tăng trong kỳ	-	-	30.534.699	726.441.975	756.976.674
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.622.809.998	1.622.809.998
Số dư tại 30/06/2018	<u>22.310.580.000</u>	<u>637.870.381</u>	<u>722.538.246</u>	<u>726.441.975</u>	<u>24.397.430.602</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	11.149.230.000	11.149.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.161.350.000	11.161.350.000
Cộng	<u>22.310.580.000</u>	<u>22.310.580.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	22.310.580.000	22.310.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.561.740.600	1.338.634.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.231.058	2.231.058
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.622.809.998	1.807.917.526
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	726.441.975	768.466.679
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.622.809.998	1.807.917.526
- Trích quỹ đầu tư phát triển	30.534.699	134.624.026
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	30.534.699	334.658.700
- Trả cổ tức bằng tiền	1.561.740.600	1.338.634.800
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	726.441.975	768.466.679

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 07/05/2018.

f. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 22.04/2018/BB- ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 7% (1.561.740.600 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Nợ khó đòi đã xử lý

VND Nguyên nhân xóa nợ		
Trường tiểu học Bắc thị trấn Kỳ Anh	6.503.952	Nợ không thu hồi được
Phòng Giáo dục Cẩm Xuyên (Anh Chí)	9.250.000	Nợ không thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà	10.100.000	Nợ không thu hồi được
Nợ khó đòi đã xử lý khác	128.756.222	Nợ không thu hồi được
Cộng	154.610.174	

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	7.605.836.963	4.295.916.354
Doanh thu thiết bị giáo dục	363.717.217	275.186.721
Doanh thu văn phòng phẩm	1.411.157.055	1.141.926.360
Doanh thu giáo dục mầm non	4.414.923.000	4.640.445.000
Doanh thu thương mại, dịch vụ khác	1.541.087.100	1.451.308.371
Cộng	15.336.721.335	11.804.782.806

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Hàng bán bị trả lại	3.803.540	15.681.781
Cộng	3.803.540	15.681.781

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	6.852.147.353	3.929.995.602
Giá vốn thiết bị giáo dục	256.206.014	194.245.210
Giá vốn văn phòng phẩm	986.696.646	786.306.874
Giá vốn dịch vụ giáo dục mầm non	3.838.538.214	3.655.079.550
Giá vốn hàng hóa thương mại khác	1.176.962.359	1.030.897.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(31.089.664)	11.077.862
Cộng	13.079.460.922	9.607.602.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	213.083.085	143.043.560
Cộng	213.083.085	143.043.560

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí lãi vay	18.322.553	-
Chi phí tài chính khác	-	669.933
Cộng	18.322.553	669.933

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	516.266.358	265.226.500
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	143.144.823	218.913.088
Các khoản khác	230.958.763	166.547.400
Cộng	890.369.944	650.686.988

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nhân công	332.944.753	199.241.289
Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ công cụ dụng cụ	144.636.049	119.575.338
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(112.204.381)	(27.765.420)
Các khoản khác	391.102.669	333.347.082
Cộng	756.479.090	624.398.289

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tặng phí phát hành sách	28.065.035	28.726.938
Các khoản khác	11.844.922	31.957.238
Cộng	39.909.957	60.684.176

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lỗi từ hủy bỏ tài sản không còn giá trị sử dụng	1.767.677	315.608.950
Các khoản khác	3.872.659	4.028.640
Cộng	5.640.336	319.637.590

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	835.637.992	789.833.440
- Thu nhập từ dự án "Trường mầm non Hoa Sen"	587.054.786	714.120.771
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	248.583.206	75.712.669
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.869.483	(362.498.214)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không đủ điều kiện tính thuế)	3.869.483	31.866.000
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ các năm trước)	-	394.364.214
Tổng thu nhập chịu thuế	839.507.475	427.335.226
- Thu nhập từ dự án "Trường mầm non Hoa Sen"	587.054.786	427.335.226
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	252.452.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.196.017	21.366.761
- Từ dự án " Trường mầm non Hoa Sen"	58.705.479	21.366.761
- Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	50.490.538	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	109.196.017	21.366.761
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	109.196.017	21.366.761
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	726.441.975	768.466.679
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	30.534.699
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	726.441.975	799.001.378
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	326	358

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2017 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào KQKD đã đạt được của năm, Ban điều hành sẽ đề xuất và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	924.082.171	-
Chi phí nhân công	2.735.132.417	2.273.753.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	526.866.233	621.676.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.491.432	1.841.307.274
Chi phí khác bằng tiền	425.338.197	221.192.394
Cộng	5.645.910.450	4.957.930.247

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận phân biệt theo từng lĩnh vực kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - TBTH HÀ TĨNH

58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Bộ phận kinh doanh thương mại		Trường mầm non Hoa Sen		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu bộ phận	10.862.358.432	7.104.291.754	4.470.559.363	4.684.809.271	15.332.917.795	11.789.101.025
Giá vốn bán hàng	9.192.603.887	5.952.522.971	3.886.857.035	3.655.079.550	13.079.460.922	9.607.602.521
Chi phí bán hàng	890.369.944	650.686.988	-	-	890.369.944	650.686.988
Chi phí quản lý doanh nghiệp	756.479.090	624.398.289	-	-	756.479.090	624.398.289
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	22.905.511	(123.316.494)	583.702.328	1.029.729.721	606.607.839	906.413.227
Doanh thu tài chính không phân bổ	-	-	-	-	213.083.085	143.043.560
Chi phí tài chính không phân bổ	-	-	-	-	18.322.553	669.933
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	-	-	-	-	194.760.532	142.373.627
Thu nhập khác	29.239.957	60.684.176	10.670.000	-	39.909.957	60.684.176
Chi phí khác	5.640.336	4.028.640	-	315.608.950	5.640.336	319.637.590
Lãi (lỗ) hoạt động khác	23.599.621	56.655.536	10.670.000	(315.608.950)	34.269.621	258.953.414
Lợi nhuận trước thuế	46.505.132	(66.660.958)	594.372.328	714.120.771	835.637.992	789.833.440
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.074.923	-	60.168.987	21.366.761	109.196.017	21.366.761
Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.430.209	(66.660.958)	534.203.341	692.754.010	726.441.975	811.200.201
Tài sản ngắn hạn	30/06/2018	30/06/2017	30/06/2018	30/06/2017	30/06/2018	30/06/2017
Tài sản ngắn hạn	21.632.051.544	14.678.391.693	15.293.612	63.095.721	21.647.345.156	14.741.487.414
Tài sản dài hạn	4.508.742.463	4.493.488.061	10.362.839.709	11.757.153.509	14.871.582.172	16.250.641.570
Tổng tài sản	26.140.794.007	19.171.879.754	10.378.133.321	11.820.249.230	36.518.927.328	30.992.128.984
- Nợ ngắn hạn	11.488.587.373	6.048.776.424	632.909.353	534.431.954	12.121.496.726	6.583.208.378
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ	11.488.587.373	6.048.776.424	632.909.353	534.431.954	12.121.496.726	6.583.208.378

CHẾ ĐỘ
T. N.
TOÁN
H. A.
H. A.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác tồn đọng nhiều năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty đang có rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều thu được tiền ngay.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.651.140.435	-	9.651.140.435
Chi phí phải trả	16.366.389	-	16.366.389
Vay và nợ thuê tài chính	1.010.000.000	-	1.010.000.000
Phải trả khác	374.945.098	-	374.945.098
Cộng	11.052.451.922	-	11.052.451.922
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.221.042.701	-	1.221.042.701
Vay và nợ thuê tài chính	1.070.000.000	-	1.070.000.000
Phải trả khác	443.372.936	-	443.372.936
Cộng	2.734.415.637	-	2.734.415.637

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.048.919.418	-	1.048.919.418
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.305.000.000	-	2.305.000.000
Phải thu khách hàng	4.431.326.741	-	4.431.326.741
Phải thu khác	156.580.877	25.311.280	181.892.157
Cộng	7.941.827.036	25.311.280	7.967.138.316
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.693.134.929	-	2.693.134.929
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.585.953.875	-	6.585.953.875
Phải thu khách hàng	1.070.237.233	-	1.070.237.233
Phải thu khác	204.647.724	50.622.563	255.270.287
Cộng	10.553.973.761	50.622.563	10.604.596.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Mua sách các loại	646.211.800	199.485.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Mua sách các loại	7.477.269.040	5.401.229.934
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	6.389.551.416	2.330.914.010
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức	780.446.100	668.953.800

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	260.563.300	295.398.600
Thù lao Hội đồng quản trị	-	92.233.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Hồ Thị Hà